

Số: /KH-SNV

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH
Thi tuyển giáo viên mầm non, tiểu học, THCS, THPT,
giảng viên cao đẳng sư phạm năm 2020

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ: số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập; số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập; số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn

chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 223/2013/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức cấp xã và công tác tổ chức, cán bộ ở các doanh nghiệp nhà nước tỉnh Bắc Ninh;

Thực hiện Thông báo số 36/TB-UBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh kết luận tại Hội nghị triển khai Kế hoạch thi tuyển giáo viên năm 2020 và Công văn số 1577/UBND-NC ngày 12/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thi tuyển giáo viên năm 2020;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch thi tuyển giáo viên mầm non, tiểu học, THCS, THPT, giảng viên cao đẳng sư phạm năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Tuyển chọn, bổ sung được đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, THCS, THPT, giảng viên cao đẳng sư phạm đảm bảo số lượng, chất lượng và cân đối cơ cấu bộ môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Tuyển dụng đúng chỉ tiêu biên chế được giao và đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế theo quy định.

- Công tác tuyển dụng phải được thực hiện đúng pháp luật; đảm bảo nghiêm túc, khách quan, dân chủ, công khai, công bằng và chất lượng.

- Người được tuyển dụng phải có trình độ, năng lực chuyên môn theo đúng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt; am hiểu nghề nghiệp, chính sách pháp luật của Nhà nước, có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao và phải chấp hành theo sự phân công của tổ chức.

II. SỐ LƯỢNG, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VÀ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Số lượng, chỉ tiêu tuyển dụng:

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên, giảng viên của các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, cao đẳng sư phạm) là **1525** chỉ tiêu, gồm Sở Giáo dục và Đào tạo, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

(Có cơ cấu, điều kiện và tiêu chuẩn tuyển dụng theo phụ lục chi tiết đính kèm)

2. Đăng ký dự tuyển:

- Người dự tuyển chỉ được đăng ký nguyện vọng vào một vị trí việc làm (mã số đăng ký dự tuyển). Nếu người dự tuyển cố tình đăng ký vào 02 mã số đăng ký dự tuyển trở lên, Hội đồng thi tuyển sẽ hủy bỏ việc đăng ký dự tuyển hoặc kết quả thi của người đó và không trả lại hồ sơ, lệ phí tuyển dụng.

- Thí sinh được đào tạo chuyên ngành kép thì chỉ được đăng ký dự tuyển một trong hai môn. Ví dụ: thí sinh tốt nghiệp đại học sư phạm Toán - Tin thì được đăng ký dự tuyển môn Toán hoặc môn Tin học.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đối tượng được đăng ký dự tuyển:

Người có đủ các điều kiện sau đây, không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam.

b) Từ đủ 18 tuổi trở lên.

c) Có đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu); có lý lịch rõ ràng; có các văn bằng, chứng chỉ đào tạo đúng theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên cần tuyển.

d) Có phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm dự tuyển.

đ) Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ.

e) Tốt nghiệp ngành sư phạm ở các trường sư phạm, khoa sư phạm trong và ngoài nước; có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm cần tuyển. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành ngoài sư phạm thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cụ thể:

* Giáo viên mầm non theo quy định phải có bằng tốt nghiệp sư phạm.

* Giáo viên tiểu học theo quy định phải có bằng tốt nghiệp sư phạm hoặc sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên.

* Giáo viên THCS, THPT và giảng viên cao đẳng nếu tốt nghiệp chuyên ngành ngoài sư phạm thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho chức danh nghề nghiệp dự tuyển hoặc cao hơn. Ví dụ:

- Giáo viên THCS thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở.

- Giáo viên THPT thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông.

- Giảng viên cao đẳng thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.

ê) Đối với giáo viên, giảng viên trúng tuyển trong thời gian thử việc thì phải hoàn thiện chứng chỉ chức danh nghề nghiệp theo tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

Mỗi thí sinh đăng ký dự tuyển giáo viên, giảng viên nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu (*đính kèm*) Kế hoạch này và bao gồm các giấy tờ có liên quan như sau:

a) Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;

b) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Các minh chứng thành tích đạt được (*đối với thí sinh thuộc đối tượng tuyển thu hút theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ*).

d) 05 phong bì có dán tem, ghi sẵn địa chỉ, số điện thoại liên hệ của người nhận.

đ) Bản sao giấy khai sinh.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi thí sinh được đựng riêng trong 01 bì có kích thước 250 x 340 x 5 mm.

2. Lưu ý:

a) Chỉ tiếp nhận hồ sơ của thí sinh đã được cấp bằng tốt nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Trường hợp có văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) Quy đổi tương đương hệ thống chứng chỉ ngoại ngữ trước đây với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Trình độ A, A1 tương đương bậc 1 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- Trình độ B, A2 tương đương bậc 2 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- Trình độ C, B1 tương đương bậc 3 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- Trình độ B2 tương đương bậc 4 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;
- Trình độ C1 tương đương bậc 5 của Khung ngoại ngữ 6 bậc;

- Trình độ C2 tương đương bậc 6 của Khung ngoại ngữ 6 bậc.

- Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ phải có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có trình độ tin học tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin).

đ) Thí sinh phải trực tiếp đến nộp hồ sơ tại Sở Nội vụ (không nhờ người nộp hộ).

e) Thí sinh trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng phải nộp bổ sung bản sao có công chứng hoặc chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm, giấy tờ xác định đối tượng ưu tiên (nếu có); đồng thời xuất trình bản chính để đối chiếu, kiểm tra và phải chấp hành sự phân công công tác của tổ chức.

ê) Hồ sơ dự tuyển không trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thi tuyển hoặc xét tuyển lần sau.

g) Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 mã số đăng ký dự tuyển; nếu thí sinh đăng ký từ 02 mã số đăng ký dự tuyển trở lên hoặc trong hồ sơ làm giả, khai không trung thực về lý lịch, văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, chế độ ưu tiên,... sẽ bị loại hoặc bị huỷ kết quả tuyển dụng.

3. Chế độ ưu tiên

Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển viên chức: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19/8/1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên

trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều đối tượng ưu tiên thì chỉ được cộng một điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả thi tại vòng 2.

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TUYỂN THEO CHÍNH SÁCH THU HÚT

Tuyển theo chính sách thu hút các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc nước ngoài được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật có kết quả học tập và rèn luyện xuất sắc các năm học của bậc đại học, không quá ba mươi tuổi tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a, Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

b, Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

c, Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Người có trình độ thạc sĩ, không quá ba mươi tuổi tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a, Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c Khoản 1 mục này;

b, Tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo sau đại học cùng ngành đào tạo ở bậc đại học.

3. Người có trình độ tiến sĩ, dưới 35 tuổi tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng đủ hai tiêu chuẩn được quy định đối với người có trình độ thạc sĩ nêu trên.

VI. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM

Các thí sinh dự thi tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính hoặc thi trên giấy.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 3 phần:

- Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển. Thời gian thi 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ 30 câu hỏi tiếng Anh. Thời gian thi 30 phút. Đối với vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là ngoại ngữ thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ tại vòng 1.

- Phần III: Tin học 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút. Đối với vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là tin học thì người dự tuyển không phải thi tin học tại vòng 1.

Giao Hội đồng thi tuyển viên chức quyết định hình thức thi cho phù hợp với tình hình thực tế. Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm (vòng 1) không có phần thi tin học.

b) Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;
- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

- Người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

c) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên.

d) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a khoản 1 Mục này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi kiến thức chung, ngoại ngữ và tin học (trừ trường hợp phần thi được miễn thi theo quy định) thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

- Trường hợp Hội đồng thi tuyển viên chức tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

- Trường hợp Hội đồng thi tuyển viên chức tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì tổ chức chấm thi, thông báo kết quả điểm thi và nhận đơn phúc khảo, chấm phúc khảo theo quy định.

2. Vòng 2: Các thí sinh đạt kết quả thi vòng 1 thì tiếp tục thi vòng 2 với nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành, như sau:

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Hội đồng thi tuyển viên chức tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau bảo đảm phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Hình thức, thời gian thi:

- Hình thức: Thi phỏng vấn hoặc thi viết.
- Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút, thi viết 180 phút.

3. Cách tính điểm:

- Vòng 1: Điểm thi là điểm điều kiện (phải đạt 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi), không tính vào tổng số điểm thi.
- Vòng 2: Bài thi được chấm theo thang điểm 100.

VII. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Xét tuyển theo chính sách thu hút (Nghị định số 140/2017/NĐ-CP)

a) Xét tuyển theo chính sách thu hút đối với các trường hợp quy định tại Mục V Kế hoạch này.

b) Nội dung xét tuyển (theo Điều 8 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ) như sau:

- Xét kết quả học tập và nghiên cứu (nếu có) của người dự tuyển;
- Phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

c) Xác định người trúng tuyển:

- Người trúng tuyển có điểm phỏng vấn đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên quy định tại Khoản 3 Mục IV Kế hoạch này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn cộng với điểm ưu tiên quy định tại Khoản 3 Mục IV Kế hoạch này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

2. Sau khi xét tuyển theo chính sách thu hút, nếu còn chỉ tiêu thì mới thi tuyển để xác định người trúng tuyển theo thứ tự sau đây:

a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) được quy định tại Khoản 3 Mục IV Kế hoạch này cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

VIII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH, NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ VÀ TỔ CHỨC THI

1. Thời gian phát hành và nhận phiếu đăng ký

- Thời gian phát hành: Ngày **01/6/2020**. Mẫu bì hồ sơ và phiếu đăng ký dự tuyển (mẫu số 01 và mẫu số 02) được đăng trên Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ, địa chỉ: snv.bacninh.gov.vn.

- Thời gian nhận phiếu đăng ký và nộp lệ phí dự thi: Từ ngày **01/6/2020** đến 16 giờ 30 phút, ngày **30/6/2020** (theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP).

2. Địa điểm nhận phiếu đăng ký:

Địa điểm nhận phiếu đăng ký tại Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: Số 09, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức thi: Hội đồng thi tuyển viên chức sẽ có thông báo cụ thể sau.

IX. LỆ PHÍ THI TUYỂN

Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

Mức thu phí: **300.000** đồng/ người (*Ba trăm nghìn đồng chẵn/ 01 người*).

Trên đây là kế hoạch tuyển giáo viên năm 2020. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Phòng Công chức viên chức - ĐT 02223.821.753) để được xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Nội vụ;
- Phòng Nội vụ, Phòng GDĐT các huyện, tx, tp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Cổng điện tử Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Tân